

Tiểu Cần, ngày 31 tháng 7 năm 2024

Số: 39/2024/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 343/2024/TLST-DS ngày 15-3-2024.

XÉT THẤY:

Sự thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp Chánh H A, xã Ngãi H huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Trần Văn T2, sinh năm 1979 và chị Lê Thị N, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Chánh H A, xã Ngãi H huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh huyện Tiểu Cần, Trà Vinh;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Trần Văn T với anh Trần Văn T2 và chị Lê Thị N cùng thống nhất thoả thuận như sau:

1. Công nhận cho anh Trần Văn T được sử dụng diện tích 18,9m² (phần B), thuộc thửa 98, tọa lạc ấp Ấp Chánh H A, xã Ngãi H huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh do Trần Văn T2 Và chị Lê Thị N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tứ cận như sau:

- Hướng bắc: Giáp (phần E) số đo 0,30m;
- Hướng nam: Có số đo 0m;
- Hướng đông: Giáp (Phần E) có số đo 64,81m;
- Hướng tây: Có 02 đoạn;
- + Đoạn 01: Giáp (phần A) có số đo 17,59m;
- + Đoạn 02: Giáp (phần C) có số đo 47,23m.

(Có photo sơ đồ khu đất kèm theo).

2. Anh Trần Văn T đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho anh Trần Văn T2 và chị Lê Thị N bằng 2.300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm bằng 150.000 đồng;

Anh Trần Văn T phải chịu 75.000 đồng án phí; Anh Trần Văn T2 và chị Lê Thị N phải chịu 75.000 đồng án phí; số tiền án phí của anh Thanh, chị Na, anh Tình tự nguyện nộp thay, nên anh Tình phải chịu 150.000 đồng án phí, cần trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại lai thu số 0000499, ngày 14-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Anh Trần Văn T được nhận lại 150.000 đồng theo biên lai thu tiền trên.

2.3. Về chi phí thẩm định, định giá bằng 6.780.000 đồng: Anh Trần Văn T tự nguyện chịu, số tiền này anh Tình đã nộp và chi xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện Tiểu Cần
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Thị Mỹ Chấm